

## BIỂU BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ TRUNG HỘI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 26/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND xã Trung Hội)

ĐVT: Đồng

TT	Các cơ quan, đơn vị	Tổng dự toán năm 2025 giao theo NQ 19/NQ/HĐND ngày 10/9/2025	Kinh phí bổ sung điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau khi bổ sung điều chỉnh
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>I</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>95.292.000.000</b>	<b>4.081.997.179</b>	<b>99.373.997.179</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư (Trung tâm dịch vụ tổng hợp)</b>	<b>17.586.093.250</b>	<b>674.000.000</b>	<b>18.260.093.250</b>
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Có biểu chi tiết công trình)	3.893.000.000		3.893.000.000
-	Nguồn vốn phân cấp địa phương (có biểu chi tiết)	44.000.000		44.000.000
-	Kinh phí xây dựng công trình: Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng trường tiểu học Bộc Nhiêu	468.300.000		468.300.000
-	Vốn sự nghiệp các công trình (Có biểu chi tiết công trình)	5.490.250.000		5.490.250.000
-	Chi đầu tư thuộc nguồn vốn các chương trình MTQG (Có biểu chi tiết)	5.678.000.000		5.678.000.000
-	Chi đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ mua xi măng (Có biểu chi tiết)	1.042.543.250		1.042.543.250
-	Kinh phí miễn thù lợi phí và kinh phí hỗ trợ thực hiện nghị định số 35/2015/NĐ-CP về quản lý sử dụng đất trồng lúa (Có biểu chi tiết công trình)	970.000.000		970.000.000
-	Chi đầu tư từ nguồn chương trình MTQG xây dựng NTM		674.000.000	674.000.000
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>77.705.906.750</b>	<b>3.407.997.179</b>	<b>81.113.903.929</b>
<b>1</b>	<b>Văn phòng Đảng ủy</b>	<b>3.500.400.000</b>	<b>-</b>	<b>3.500.400.000</b>
-	Chi thường xuyên	1.175.000.000		1.175.000.000
-	Kinh phí thực hiện hợp đồng 111	101.000.000		101.000.000
-	Phụ cấp Ban chấp hành Đảng ủy, Phụ cấp cán bộ không chuyên trách xã, cán bộ không chuyên trách xóm và các khoản đóng góp tính theo phụ cấp	829.300.000		829.300.000
-	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin	50.000.000		50.000.000
-	Chi hoạt động đặc thù của Đảng	500.000.000		500.000.000

TT	Các cơ quan, đơn vị	Tổng dự toán năm 2025 giao theo NQ 19/NQ/HĐND ngày 10/9/2025	Kinh phí bổ sung điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau khi bổ sung điều chỉnh
-	Kinh phí tổ chức đại hội Đảng	729.100.000		729.100.000
-	Quỹ tiền thưởng	116.000.000		116.000.000
<b>2</b>	<b>Ủy ban Mặt trận Tổ quốc</b>	<b>1.605.193.000</b>	<b>-</b>	<b>1.605.193.000</b>
-	Chi thường xuyên	435.000.000		435.000.000
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động của các đoàn thể xã	150.000.000		150.000.000
-	Chi phụ cấp và các khoản đóng góp của cán bộ KCT xã, cán bộ KCT xóm	703.000.000		703.000.000
-	Kinh phí thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết, xóm theo NQ 05/2020/NQ-HĐND	263.193.000		263.193.000
-	Kinh phí các chi hội xóm ĐBKK theo TT49/2012 của BTC	10.000.000		10.000.000
-	Quỹ tiền thưởng	44.000.000		44.000.000
<b>3</b>	<b>Văn phòng HĐND&amp;UBND</b>	<b>17.373.111.123</b>	<b>25.000.000</b>	<b>17.398.111.123</b>
-	Chi thường xuyên	1.560.000.000		1.560.000.000
-	Tiếp nhận, điều chỉnh số đã chi 6 tháng đầu năm của 3 xã trước khi sắp xếp	12.685.720.444		12.685.720.444
	Dự án thuộc nguồn vốn CT MTTQ xây dựng nông thôn mới	231.000.000		231.000.000
-	Chi hoạt động phí đại biểu HĐND, Chi phụ cấp và các khoản đóng góp của cán bộ KCT xã, cán bộ KCT xóm, chi bồi dưỡng những người trực tiếp tham gia công việc của xóm...	946.170.679		946.170.679
-	Kinh phí hoạt động đặc thù của Ủy ban	500.000.000		500.000.000
-	Hưu xã	231.000.000		231.000.000
-	Chi phụ cấp, hoạt động lĩnh vực quốc phòng quân sự	401.260.000		401.260.000
-	Kinh phí hỗ trợ người giao nhiệm vụ ... cai nghiện theo NQ 06/2023/NQ-HĐND	21.060.000		21.060.000
-	Chi phụ cấp, hoạt động lĩnh vực an ninh	563.900.000		563.900.000
-	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin	60.000.000		60.000.000
-	Kinh phí đảm bảo an toàn giao thông	15.000.000		15.000.000
-	Quỹ khen thưởng	158.000.000		158.000.000

TT	Các cơ quan, đơn vị	Tổng dự toán năm 2025 giao theo NQ 19/NQ/HĐND ngày 10/9/2025	Kinh phí bổ sung điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau khi bổ sung điều chỉnh
-	Chi thực hiện các nhiệm vụ phát sinh		25.000.000	25.000.000
<b>4</b>	<b>Phòng Kinh tế</b>	<b>2.041.660.000</b>	<b>(81.000.000)</b>	<b>1.960.660.000</b>
-	Chi thường xuyên	665.000.000		665.000.000
-	Kinh phí hoạt động các Ban chỉ đạo, kinh phí điều tra giảm nghèo, triển khai, tập huấn, kinh phí mua vật tư, trang thiết bị phòng chống thiên tai, chi đo đạc, kiểm kê đất đai...	150.000.000		150.000.000
-	Chi mua sắm các phần mềm, vật tư văn phòng phẩm và các hoạt động thường xuyên khác	60.000.000		60.000.000
-	Kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa (Hỗ trợ người trồng lúa 50% kinh phí được giao)	297.300.000		297.300.000
-	Hỗ trợ phát triển cây chè	158.760.000		158.760.000
-	Kinh phí thực hiện khoán bảo trì các tuyến đường huyện, trong đó có (12,34 triệu giao 6 tháng đầu năm chưa thực hiện và 58 triệu giao 6 tháng cuối năm)	70.340.000		70.340.000
-	Sự nghiệp kinh tế khác (Chi tiết giao sau)	350.000.000		350.000.000
-	Kinh phí thực hiện dự án thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Có biểu chi tiết)	112.400.000		112.400.000
-	Kinh phí quản lý điều hành miễn thu thủy lợi phí	11.860.000		11.860.000
-	Kinh phí thực hiện các đề án, dự án, Kết luận	96.000.000	(96.000.000)	-
-	Quỹ tiền thưởng	70.000.000		70.000.000
-	Chi thực hiện các nhiệm vụ phát sinh		15.000.000	15.000.000
<b>5</b>	<b>Phòng Văn hóa - Xã hội</b>	<b>4.519.688.000</b>	<b>18.000.000</b>	<b>4.537.688.000</b>
-	Chi thường xuyên	580.000.000		580.000.000
-	Chi phụ cấp và các khoản đóng góp, hoạt động cho cán bộ các hội đặc thù, nhân viên y tế, bồi dưỡng những người trực tiếp tham gia công việc ở xóm	366.298.000		366.298.000
-	Chính sách đối với người có uy tín	30.000.000		30.000.000
-	Hoạt động chuyên môn, triển khai, tổ chức, hoạt động, tổng kết các phong trào, quỹ thi đua, khen thưởng các danh hiệu, phong trào theo Luật thi đua khen thưởng	300.000.000		300.000.000

TT	Các cơ quan, đơn vị	Tổng dự toán năm 2025 giao theo NQ 19/NQ/HĐND ngày 10/9/2025	Kinh phí bổ sung điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau khi bổ sung điều chỉnh
-	Chi hoạt động đảm bảo xã hội	60.000.000		60.000.000
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí hỏa táng (theo Nghị quyết 26/2021/NĐ-HĐND)	47.000.000		47.000.000
-	Chi hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền...	55.000.000		55.000.000
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với đối tượng bảo trợ xã hội (theo Nghị định số 76/2024/NĐ-CP)	2.112.250.000		2.112.250.000
-	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách người có công ( theo QĐ số 290/2005/ QĐ-TTg; QĐ 62/2011/QĐ-TTg	261.000.000		261.000.000
-	Kinh phí thực hiện chế độ thăm hỏi động viên các gia đình thuộc đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ vào các ngày lễ tết ( theo NQ số 17/NQ-HĐND)	69.540.000		69.540.000
-	Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo	77.000.000		77.000.000
-	Kinh phí thực hiện dự án thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Có biểu chi tiết)	180.700.000		180.700.000
-	Kinh phí thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	319.900.000		319.900.000
-	Quỹ tiền thưởng	61.000.000		61.000.000
-	Chi thực hiện các nhiệm vụ phát sinh		18.000.000	18.000.000
<b>6</b>	<b>Trung tâm phục vụ hành chính công</b>	<b>527.000.000</b>	<b>-</b>	<b>527.000.000</b>
-	Chi thường xuyên	323.000.000		323.000.000
-	Chi hoạt động chuyên môn, đầu tư sửa chữa công nghệ thông tin, Kinh phí cải cách hành chính, chuyển đổi số và thuê dịch vụ công nghệ thông tin	170.000.000		170.000.000
-	Quỹ tiền thưởng	34.000.000		34.000.000
<b>7</b>	<b>Trung tâm dịch vụ tổng hợp</b>	<b>1.221.000.000</b>	<b>38.000.000</b>	<b>1.259.000.000</b>
-	Chi thường xuyên	265.000.000		265.000.000
-	Sự nghiệp thể dục thể thao	25.000.000		25.000.000
-	Phụ cấp CB thú y, Cộng tác viên thú y	50.000.000		50.000.000

<b>TT</b>	<b>Các cơ quan, đơn vị</b>	<b>Tổng dự toán năm 2025 giao theo NQ 19/NQ/HĐND ngày 10/9/2025</b>	<b>Kinh phí bổ sung điều chỉnh</b>	<b>Dự toán năm 2025 sau khi bổ sung điều chỉnh</b>
-	Kinh phí thực hiện hợp đồng 111+ tiền thưởng	80.000.000		80.000.000
-	Chi Sự nghiệp môi trường, sự nghiệp thông tin truyền thông ...	129.000.000		129.000.000
-	Nguồn cải cách hành chính và chuyển đổi số, thuê dịch vụ công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình...	40.000.000		40.000.000
-	Kinh phí thực hiện dự án thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Có biểu chi tiết)	603.000.000		603.000.000
-	Quỹ tiền thưởng	29.000.000		29.000.000
-	Chi thực hiện các nhiệm vụ phát sinh		38.000.000	38.000.000
<b>8</b>	<b>Các đơn vị trường học</b>	<b>45.393.854.627</b>	<b>-</b>	<b>45.393.854.627</b>
-	Trường MN Bộc Nhiêu	5.110.404.138		5.110.404.138
-	Trường MN Phú Tiến	4.519.090.960		4.519.090.960
-	Trường MN Trung Hội	6.015.531.586		6.015.531.586
-	Trường TH Bộc Nhiêu	4.291.134.342		4.291.134.342
-	Trường TH Phú Tiến	4.868.689.049		4.868.689.049
-	Trường TH Trung Hội	6.576.808.185		6.576.808.185
-	Trường THCS Bộc Nhiêu	4.696.514.892		4.696.514.892
-	Trường THCS Phú Tiến	4.619.456.921		4.619.456.921
-	Trường THCS Trung Hội	4.696.224.554		4.696.224.554
<b>9</b>	<b>Trung tâm học tập cộng đồng</b>	<b>112.000.000</b>		<b>112.000.000</b>
<b>10</b>	<b>Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chính trị phát sinh</b>	<b>1.150.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>2.650.000.000</b>
-	Kinh phí thực hiện các sự nghiệp, các nhiệm vụ chính trị phát sinh (Chi tiết UBND xã phân bổ sau)	1.150.000.000		1.150.000.000
-	Chi đảm bảo cơ sở vật chất cho các địa phương từ nguồn ngân sách Trung ương khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính		1.500.000.000	1.500.000.000
<b>11</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>262.000.000</b>		<b>262.000.000</b>
-	Chi dự phòng ngân sách đã thực hiện 6 tháng đầu năm	171.000.000		171.000.000

TT	Các cơ quan, đơn vị	Tổng dự toán năm 2025 giao theo NQ 19/NQ/HĐND ngày 10/9/2025	Kinh phí bổ sung điều chỉnh	Dự toán năm 2025 sau khi bổ sung điều chỉnh
-	Chi dự phòng còn lại	91.000.000		91.000.000
<b>C</b>	<b>Chi ngân chuyển nguồn ngân sách năm 2024 sang năm 2025</b>		<b>477.818.172</b>	<b>477.818.172</b>
<b>D</b>	<b>Chi kết dư ngân sách</b>		<b>1.430.179.007</b>	<b>1.430.179.007</b>